

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính 2020 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 32



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kho Vận Petec (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021.

THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho Vận Petec được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000331 lần đầu ngày 11/04/2007 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 số 3700791715 ngày 14/05/2015 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 71.925.500.000 đồng
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/03/2021: 71.925.500.000 đồng

Tên giao dịch và trụ sở

Tên giao dịch tiếng Anh của Công ty là PETEC LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Kho vận Petec - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh đặt tại: 81/15 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Kho vận Petec - Chi nhánh Bình Dương đặt tại: 308/4 Đường ĐT747B, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Hoạt động kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, bán buôn nhiên liệu, kho bãi và lưu trữ hàng hóa.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, người đại diện theo pháp luật và kế toán trưởng của Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Minh Tuấn
Ông Nguyễn Văn Lịch
Ông Hoàng Minh Tuấn
Ông Huỳnh Xuân Hồng
Ông Vũ Anh Cường

Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm 08/07/2020)
Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm 27/04/2020)
Thành viên (miễn nhiệm 08/07/2020)
Thành viên
Thành viên (bổ nhiệm 24/09/2020)

Ban Giám đốc

Ông Huỳnh Xuân Hồng
Ông Lý Hoài Nam

Giám đốc
Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Bùi Minh Hiệp
Ông Hoàng Anh Tuấn
Ông Vũ Anh Cường
Ông Vũ Xuân Hiền

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên (miễn nhiệm 24/09/2020)
Thành viên (bổ nhiệm 24/09/2020)

Đại diện pháp luật

Ông Huỳnh Xuân Hồng

Kế toán trưởng

Ông Mai Huy Hoàng

KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm toán ĐFK Việt Nam (“DFK”) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính 2020 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và các tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán kết thúc vào cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

XÁC NHẬN

Ban Giám đốc xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2020 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ Công ty cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



HUỖNH XUÂN HỒNG

Giám đốc

Ngày 10 tháng 05 năm 2021

Số: 131/2021/BCKiT-DFK

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kho vận Petec (“Công ty”), được lập ngày 10 tháng 05 năm 2021, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2020 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Petec tại ngày 31/03/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2020 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý đến thông tin trình bày tại Thuyết minh số III – trang 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính: Lũy kế của Công ty đến ngày 31/03/2021 là 83.475.636.213 đồng, khoản lỗ này đã vượt quá vốn chủ sở hữu, đồng thời tổng nợ phải trả của Công ty đã vượt quá tổng tài sản với chênh lệch là 9.621.074.523 đồng. Việc này làm gia tăng nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Các báo cáo tài chính kèm theo không bao gồm những điều chỉnh (nếu có) phát sinh từ sự kiện nêu trên.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM



NGUYỄN LƯƠNG NHÂN

Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHNKT: 0182-2018-042-1

LÊ ĐÌNH HUYỀN

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHNKT: 1756-2018-042-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/03/2021	01/04/2020
A. Tài sản ngắn hạn	100		4.760.397.454	3.662.356.007
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	V.01	<i>1.541.812.620</i>	<i>387.505.524</i>
1. Tiền	111		1.541.812.620	387.505.524
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>2.726.896.716</i>	<i>2.823.582.497</i>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	9.335.262.058	9.275.687.443
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	9.961.434.545	10.002.322.545
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04.a	1.028.607.812	1.046.266.912
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.05	(17.598.407.699)	(17.581.725.949)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	81.031.546
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	V.06	<i>394.479.726</i>	<i>332.918.243</i>
1. Hàng tồn kho	141		394.479.726	332.918.243
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>97.208.392</i>	<i>118.349.743</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07.a	94.971.978	98.044.901
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.236.414	20.304.842
B. Tài sản dài hạn	200		34.283.031.762	36.324.744.823
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>166.000.000</i>	<i>151.000.000</i>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04.b	166.000.000	151.000.000
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>27.219.600.121</i>	<i>29.141.694.042</i>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	11.926.550.872	13.431.296.169
- Nguyên giá	222		32.433.745.228	32.473.245.228
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.507.194.356)	(19.041.949.059)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.09	15.293.049.249	15.710.397.873
- Nguyên giá	228		18.562.280.139	18.562.280.139
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.269.230.890)	(2.851.882.266)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>230</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	V.10	<i>6.299.942.461</i>	<i>6.709.897.976</i>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.554.567.000	11.554.567.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(15.254.624.539)	(14.844.669.024)
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>597.489.180</i>	<i>322.152.805</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07.b	597.489.180	322.152.805
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		39.043.429.216	39.987.100.830

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

MẪU SỐ B01 - DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VNĐ	
			31/03/2021	01/04/2020
C. Nợ phải trả	300		48.664.503.739	51.026.297.548
I. Nợ ngắn hạn	310		42.198.954.839	47.057.040.648
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	6.978.505.122	7.044.617.432
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		366.470.166	25.588.302
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	274.673.245	248.041.356
4. Phải trả người lao động	314		-	72.822.775
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		35.836.500	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13	736.180.506	916.006.740
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14.a	5.659.704.700	5.911.408.043
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	28.147.584.600	32.838.556.000
II. Nợ dài hạn	330		6.465.548.900	3.969.256.900
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14.b	6.465.548.900	3.969.256.900
D. Vốn chủ sở hữu	400		(9.621.074.523)	(11.039.196.718)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	(9.621.074.523)	(11.039.196.718)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		71.925.500.000	71.925.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		71.925.500.000	71.925.500.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.929.061.690	1.929.061.690
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(83.475.636.213)	(84.893.758.408)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(84.893.758.408)	(85.803.354.574)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.418.122.195	909.596.166
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		39.043.429.216	39.987.100.830



Người lập biểu và Kế toán trưởng
MAI HUY HOÀNG



Giám đốc
HUỲNH XUÂN HỒNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

MẪU SỐ B02 – DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VNĐ	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		69.259.294.316	104.940.643.696
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	69.259.294.316	104.940.643.696
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	58.180.829.397	94.473.950.344
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.078.464.919	10.466.693.352
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	37.858.228	1.832.695
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.177.594.755	3.605.260.847
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.767.639.240	3.400.089.854
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.656.134.299	2.599.873.653
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.090.081.291	3.722.860.731
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.192.512.802	540.530.816
11. Thu nhập khác	31		242.959.393	369.065.350
12. Chi phí khác	32		17.350.000	-
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	225.609.393	369.065.350
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.418.122.195	909.596.166
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.418.122.195	909.596.166
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	197	126
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	197	126



Người lập biểu và Kế toán trưởng
MAI HUY HOÀNG



Giám đốc
HUỲNH XUÂN HỒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN PETEC

KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

MẪU SỐ B03 – DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VNĐ	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	1.418.122.195	909.596.166
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	2	1.922.093.921	1.931.353.800
- Các khoản dự phòng	3	426.637.265	195.895.637
- Lãi/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	-	32.061.859
- Lãi/ lỗ do từ hoạt động đầu tư	5	(11.517.780)	(1.832.695)
- Chi phí lãi vay	6	2.767.639.240	3.400.089.854
3. Lợi nhuận từ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	6.522.974.841	6.467.164.621
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	83.072.459	688.146.943
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(61.561.483)	247.607.944
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	2.593.177.591	(1.522.311.805)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(272.263.452)	76.644.852
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.767.639.240)	(3.400.089.854)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.097.760.716	2.557.162.701
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	10.909.091	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	608.689	1.832.695
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	11.517.780	1.832.695
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	45.944.943.000	58.461.593.200
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(50.635.914.400)	(60.872.585.200)
3. Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(264.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.954.971.400)	(2.410.992.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.154.307.096	148.003.396
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	387.505.524	238.946.505
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	555.623
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.541.812.620	387.505.524



Người lập biểu và Kế toán trưởng
MAI HUY HOÀNG



Giám đốc
HUỲNH XUÂN HỒNG

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho Vận Petec được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000331 lần đầu ngày 11/04/2007 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 số 3700791715 ngày 14/05/2015 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 71.925.500.000 đồng
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/03/2021: 71.925.500.000 đồng

Tên giao dịch và trụ sở

Tên giao dịch tiếng Anh của Công ty là PETEC LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

2. Hoạt động chính

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, bán buôn nhiên liệu, kho bãi và lưu trữ hàng hóa.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 31 tháng 03.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/4, kết thúc ngày 31/03 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

Lỗi lũy kế của Công ty đến ngày 31/03/2021 là 83.475.636.213 đồng, khoản lỗ này đã vượt quá vốn chủ sở hữu, đồng thời tổng nợ phải trả của Công ty đã vượt quá tổng tài sản với cùng chênh lệch là 9.621.074.523 đồng. Với tình hình này, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào sự tiếp tục hỗ trợ tài chính từ chủ sở hữu Công ty. Chủ sở hữu của Công ty đã xác nhận là sẽ tiếp tục hỗ trợ tài chính để có thể thanh toán được các khoản nợ khi đến hạn. Vì vậy, báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC

KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

b. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC

KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

c. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong năm.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC

KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

6. Tài sản cố định và khấu hao

6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhóm tài sản</i>	<i>Số năm trích khấu hao</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40 năm
Phương tiện vận tải	04 - 10 năm
Máy móc thiết bị	06 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	05 - 08 năm
Tài sản cố định khác	08 năm
Quyền sử dụng đất	41 - 43 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ tại văn phòng, chi phí sửa chữa, chi phí trả trước chờ phân bổ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong năm: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

12. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng như sau: Bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 17,5% và 8 % từ lương công nhân viên; Bảo hiểm y tế được trích vào chi phí là 3% và 1,5% từ lương công nhân viên và Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên, kinh phí công đoàn được trích vào chi phí là 1%.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu do các thành viên góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại Hội đồng Cổ đông hàng năm.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, lãi chênh lệch tỷ giá và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC

KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong năm của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN PETEC

KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC

KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/03/2021	01/04/2020
	VND	VND
- Tiền mặt	143.396.606	84.440.664
- Tiền gửi ngân hàng	1.398.416.014	303.064.860
+ Tiền gửi (VND)	1.374.208.185	277.728.540
+ Tiền gửi (USD)	24.173.825	25.302.316
+ Tiền gửi (EUR)	34.004	34.004
Cộng	1.541.812.620	387.505.524

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn	9.317.244.283	(7.711.930.565)	9.257.669.668	(7.695.248.815)
- Công ty TNHH TM Xăng Dầu Nhật Luân	1.629.900.000	(1.629.900.000)	1.629.900.000	(1.629.900.000)
- DNTN Trạm Xăng Dầu Văn Loan	1.691.983.300	(1.691.983.300)	1.691.983.300	(1.691.983.300)
- Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Tấn Phát	1.417.420.000	(1.417.420.000)	1.417.420.000	(1.417.420.000)
- Công ty CP TMDV Dầu Khí Mạnh Hồ	1.530.840.000	(1.530.840.000)	1.530.840.000	(1.530.840.000)
- Phải thu khách hàng khác	3.047.100.983	(1.441.787.265)	2.987.526.368	(1.425.105.515)
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan	18.017.775	-	18.017.775	-
- Tổng công ty TM Kỹ Thuật và ĐT - Công ty CP	18.017.775	-	18.017.775	-
Cộng	9.335.262.058	(7.711.930.565)	9.275.687.443	(7.695.248.815)

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
- Công ty TNHH TM DV Nông Sản Bắc Hà	7.416.824.161	(7.416.824.161)	7.416.824.161	(7.416.824.161)
- Công ty TNHH Thanh Thù	2.434.610.384	(2.434.610.384)	2.434.610.384	(2.434.610.384)
- Các khoản trả trước cho người bán khác	110.000.000	-	150.888.000	-
Cộng	9.961.434.545	(9.851.434.545)	10.002.322.545	(9.851.434.545)



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC

KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
a. Ngắn hạn	1.028.607.812	(35.042.589)	1.046.266.912	(35.042.589)
- Phải thu ngắn hạn khác	983.884.112	(35.042.589)	1.028.768.212	(35.042.589)
+ DNTN Xăng Dầu Ngọc Diệp	750.000.000	-	750.000.000	-
+ Nguyễn Văn Quân	20.323.527	(20.323.527)	20.323.527	(20.323.527)
+ Phạm Tấn Thịnh	14.719.062	(14.719.062)	14.719.062	(14.719.062)
+ Nguyễn Đăng Chiến	33.000.000	-	33.000.000	-
+ Đối tượng khác	165.841.523	-	210.725.623	-
- Tạm ứng	44.723.700	-	17.498.700	-
b. Dài hạn	166.000.000	-	151.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	166.000.000	-	151.000.000	-
Cộng	1.194.607.812	(35.042.589)	1.197.266.912	(35.042.589)

5. NỢ XẤU

Thời gian quá hạn	Đối tượng nợ	31/03/2021		01/04/2020	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
		VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
	Phải thu khách hàng	7.728.612.315	-	7.695.248.815	-
- Từ 3 năm trở lên	- Công ty CP TM DV Dầu Khí Mạnh Hồ	1.530.840.000	-	1.530.840.000	-
	- Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Tấn Phát	1.417.420.000	-	1.417.420.000	-
	- Công ty TNHH TM Xăng Dầu Nhật Luân	1.629.900.000	-	1.629.900.000	-
	- DNTN Trạm Xăng Dầu Văn Loan	1.691.983.300	-	1.691.983.300	-
	- Phải thu khách hàng khác	1.425.105.515	-	1.425.105.515	-
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	- Công ty TNHH MTN Vận Tải Thọ Phát	33.363.500	-	-	-
- Từ 3 năm trở lên	Phải thu khác	35.042.589	-	35.042.589	-
	- Nguyễn Văn Quân	20.323.527	-	20.323.527	-
	- Phạm Tấn Thịnh	14.719.062	-	14.719.062	-
- Từ 3 năm trở lên	Trả trước cho người bán	9.851.434.545	-	9.851.434.545	-
	- Công ty TNHH TM DV Nông Sản Bắc Hà	7.416.824.161	-	7.416.824.161	-
	- Công ty TNHH Thanh Thủy	2.434.610.384	-	2.434.610.384	-
	Cộng	17.615.089.449	-	17.581.725.949	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC

KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

6. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
- Nguyên vật liệu	1.530.009	-	-	-
- Công cụ, dụng cụ	4.865.000	-	4.865.000	-
- Hàng hóa	388.084.717	-	328.053.243	-
Cộng	394.479.726	-	332.918.243	-

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/03/2021	01/04/2020
	Giá trị	Giá trị
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	94.971.978	98.044.901
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	49.016.280	13.383.332
- Chi phí trả trước chờ phân bổ	45.955.698	84.661.569
b. Chi phí trả trước dài hạn	597.489.180	322.152.805
- Chi phí trả trước chờ phân bổ	77.672.402	-
- Chi phí sửa chữa	31.100.812	133.124.707
- Chi phí môi giới	488.715.966	189.028.098
Cộng	692.461.158	420.197.706

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Tổng cộng
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/04/2020	27.970.511.694	2.463.517.641	1.726.470.909	312.744.984	32.473.245.228
- Giảm trong năm	39.500.000	-	-	-	39.500.000
- Thanh lý	39.500.000	-	-	-	39.500.000
Tại ngày 31/03/2021	27.931.011.694	2.463.517.641	1.726.470.909	312.744.984	32.433.745.228
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 01/04/2020	15.490.942.042	2.220.738.103	1.017.523.930	312.744.984	19.041.949.059
- Tăng trong năm	39.500.000	-	-	-	39.500.000
+ Thanh lý	39.500.000	-	-	-	39.500.000
- Giảm trong năm	1.182.954.089	109.672.728	212.118.480	-	1.504.745.297
+ Khấu hao	1.182.954.089	109.672.728	212.118.480	-	1.504.745.297
Tại ngày 31/03/2021	16.634.396.131	2.330.410.831	1.229.642.410	312.744.984	20.507.194.356
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/04/2020	12.479.569.652	242.779.538	708.946.979	-	13.431.296.169
Tại ngày 31/03/2021	11.296.615.563	133.106.810	496.828.499	-	11.926.550.872

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.452.032.402 VNĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN PETEC

KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VNĐ</u>	Tổng cộng <u>VNĐ</u>
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/04/2020	18.562.280.139	18.562.280.139
Tại ngày 31/03/2021	18.562.280.139	18.562.280.139
KHẤU HAO LŨY KẾ		
Tại ngày 01/04/2020	2.851.882.266	2.851.882.266
- Khấu hao trong năm	417.348.624	417.348.624
Tại ngày 31/03/2021	3.269.230.890	3.269.230.890
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/04/2020	15.710.397.873	15.710.397.873
Tại ngày 31/03/2021	15.293.049.249	15.293.049.249

Tài sản cố định vô hình bao gồm:

- Quyền sử dụng đất có thời hạn theo theo giấy chứng nhận số BĐ 586326 cấp ngày 21/06/2017 tại địa chỉ KCN Nam Tân Uyên, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Diện tích: 39.727,5 m². Thời hạn sử dụng đến tháng 10/2054.

Quyền sử dụng đất này đảm bảo thế chấp cho khoản vay thuyết minh tại mục 15 trang 23.
- Quyền sử dụng đất có thời hạn theo theo giấy chứng nhận số BA 133756 cấp ngày 06/04/2010 tại địa chỉ: xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Diện tích: 1.243 m². Thời hạn sử dụng đến tháng 04/2056.
- Quyền sử dụng đất có thời hạn theo theo giấy chứng nhận số BA 133757 cấp ngày 06/04/2010 tại địa chỉ: xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Diện tích: 316 m². Thời hạn sử dụng lâu dài.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN PETEC

KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***MẪU B09 - DN****10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/03/2021		01/04/2020			
	Giá trị ghi số	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị ghi số	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	10.000.000.000	3.030.000.000	(6.970.000.000)	10.000.000.000	2.920.000.000	(7.080.000.000)
- Công ty CP Bất Động Sản và Kỹ Thuật Xăng Dầu (*)	10.000.000.000	3.030.000.000	(6.970.000.000)	10.000.000.000	2.920.000.000	(7.080.000.000)
b. Đầu tư vào các đơn vị khác	11.554.567.000	3.269.942.461	(8.284.624.539)	11.554.567.000	3.789.897.976	(7.764.669.024)
- Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật Và Đầu Tư - Công ty Cổ phần (**)	11.554.567.000	3.269.942.461	(8.284.624.539)	11.554.567.000	3.789.897.976	(7.764.669.024)
Cộng	21.554.567.000	6.299.942.461	(15.254.624.539)	21.554.567.000	6.709.897.976	(14.844.669.024)

(*) Đầu tư vào Công ty CP Bất Động Sản và Kỹ Thuật Xăng Dầu với số lượng 1.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/CP, tỷ lệ sở hữu là 26%.

(**) Đầu tư vào Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật Và Đầu Tư - Công ty Cổ phần với số lượng 549.027 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/CP, tỷ lệ sở hữu là 0,21%.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết là các Công ty chưa niêm yết, không có giao dịch trường chứng khoán. Công ty xác định giá trị hợp lý bằng giá trị sổ sách.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC

KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
a. Ngắn hạn	2.078.603.538	2.078.603.538	1.624.592.448	1.624.592.448
- KCN Nam Tân Uyên	2.078.504.238	2.078.504.238	1.624.592.448	1.624.592.448
- Phải trả nhà cung cấp khác	99.300	99.300	-	-
b. Phải trả người bán là các bên liên quan	4.899.901.584	4.899.901.584	5.420.024.984	5.420.024.984
- Tổng Công ty TM Kỹ Thuật và Đầu Tư - CTCP	4.899.901.584	4.899.901.584	5.420.024.984	5.420.024.984
Cộng	6.978.505.122	6.978.505.122	7.044.617.432	7.044.617.432

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/04/2020	Số phải nộp	Số đã nộp/ khấu trừ	31/03/2021
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
- Thuế GTGT	203.773.086	6.909.037.960	6.879.234.571	233.576.475
- Thuế TNCN	44.268.270	131.181.250	134.352.750	41.096.770
- Lệ phí môn bài	-	7.500.000	7.500.000	-
Cộng	248.041.356	7.047.719.210	7.021.087.321	274.673.245

13. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/03/2021	01/04/2020
	VNĐ	VNĐ
- Doanh thu cho thuê kho	736.180.506	916.006.740
Cộng	736.180.506	916.006.740

14. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	31/03/2021	01/04/2020
	VNĐ	VNĐ
a. Phải trả khác ngắn hạn	5.659.704.700	5.911.408.043
- Kinh phí công đoàn	61.250.031	47.173.374
- Cổ tức phải trả	5.598.454.669	5.862.454.669
- Phải trả, phải nộp khác	-	1.780.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC

KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B09 - DN**14. PHẢI TRẢ PHẢI NỢ KHÁC (tiếp theo)**

	31/03/2021	01/04/2020
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
b. Phải trả khác dài hạn	6.465.548.900	3.969.256.900
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.465.548.900	3.969.256.900
+ Công ty TNHH Đầu Tư Phước Sơn	40.000.000	40.000.000
+ Dass Tech. Co., Ltd	695.100.000	-
+ Công ty TNHH TM SX Gỗ Tân Nhật	1.192.000.000	-
+ Công ty TNHH Jing Bo Việt Nam	1.347.192.000	-
+ Công ty TNHH Gr8 Logistics Services	876.000.000	876.000.000
+ Công ty Cổ Phần Sợi Ngọc Anh	166.666.500	166.666.500
+ Công ty TNHH SX TM DV Tân Tường Khang	-	538.000.000
+ Công ty Cổ Phần Bao Bì Nông Sản Miền Nam	1.321.484.400	1.321.484.400
+ Công ty TNHH TM Và DV Hà Thanh Sơn - CN Bình Dương	827.106.000	827.106.000
+ Công Ty TNHH MTV Cà Phê Long Xuân	-	200.000.000
Cộng	12.125.253.600	9.880.664.943

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/04/2020	Phát sinh trong năm		31/03/2021
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Vay ngắn hạn	32.838.556.000	45.944.943.000	50.635.914.400	28.147.584.600
- Ngân hàng TMCP Phương Đông	32.838.556.000	45.944.943.000	50.635.914.400	28.147.584.600
Cộng	32.838.556.000	45.944.943.000	50.635.914.400	28.147.584.600

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Quận 4 theo hợp đồng tín dụng số 0413/2019/HĐTĐ-OCB-DN ngày 09/11/2020 với tổng hạn mức vay là 33.322.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 09 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm bất động sản tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 28, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với giá trị định giá là 103.870.000.000 đồng, được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC

KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU****16.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 01/04/2019	71.925.500.000	1.929.061.690	(85.803.354.574)	(11.948.792.884)
- Lãi trong năm	-	-	909.596.166	909.596.166
Tại ngày 31/03/2020	71.925.500.000	1.929.061.690	(84.893.758.408)	(11.039.196.718)
Tại ngày 01/04/2020	71.925.500.000	1.929.061.690	(84.893.758.408)	(11.039.196.718)
- Lãi trong năm	-	-	1.418.122.195	1.418.122.195
Tại ngày 31/03/2021	71.925.500.000	1.929.061.690	(83.475.636.213)	(9.621.074.523)

16.2 Cổ phiếu

	31/03/2021	01/04/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	7.192.550	7.192.550
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
<i>Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>		
Cổ phiếu phổ thông	7.192.550	7.192.550
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	7.192.550	7.192.550
<i>Mệnh giá: 10.000 đồng/cp</i>		

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		31/03/2021	01/04/2020
- Dollar Mỹ	USD	1.042,11	1.068,51
- Euro	EUR	1,22	1,22

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC

KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****1. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
- Doanh thu bán hàng	52.847.683.498	90.230.884.850
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.411.610.818	14.709.758.846
Cộng	69.259.294.316	104.940.643.696
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng doanh thu thuần	69.259.294.316	104.940.643.696

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
- Giá vốn bán hàng	51.452.825.628	88.474.377.418
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.728.003.769	5.999.572.926
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	58.180.829.397	94.473.950.344

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
- Lãi tiền gửi	608.689	1.832.695
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	37.249.539	-
Cộng	37.858.228	1.832.695

4. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
- Lãi tiền vay	2.767.639.240	3.400.089.854
+ Tổ chức tín dụng	2.767.639.240	3.368.756.521
+ Cá nhân	-	31.333.333
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	32.061.859
- Dự phòng tổn thất đầu tư	409.955.515	173.109.134
Cộng	3.177.594.755	3.605.260.847

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC

KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***5. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm nay	Năm trước
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	1.173.731.600	1.151.251.200
- Chi phí công cụ dụng cụ	-	20.887.185
- Chi phí khấu hao	78.344.268	78.344.268
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.194.104	203.996.926
- Chi phí bằng tiền khác	1.374.864.327	1.145.394.074
Cộng	<u>2.656.134.299</u>	<u>2.599.873.653</u>

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	2.380.979.200	2.155.884.250
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	98.678.484	98.678.484
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	16.681.750	22.786.503
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	264.000.000	264.460.091
- Chi phí dịch bằng tiền khác	1.329.741.857	1.181.051.403
Cộng	<u>4.090.081.291</u>	<u>3.722.860.731</u>

7. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
- Thanh lý tài sản cố định	10.909.091	-
- Các khoản thu nhập khác	232.050.302	369.065.350
Cộng	<u>242.959.393</u>	<u>369.065.350</u>
- Các khoản bị phạt	15.000.000	-
- Các khoản chi phí khác	2.350.000	-
Cộng	<u>17.350.000</u>	<u>-</u>
Lợi nhuận từ hoạt động khác	<u>225.609.393</u>	<u>369.065.350</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC

KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B09 - DN**8. CHI PHÍ THUẾ TNDN**

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
1. Tổng lợi nhuận trước thuế	1.418.122.195	909.596.166
2. Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(187.755.043)	2.225.018.738
a) Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán	1.021.103.941	2.225.694.960
- Chi phí phạt	15.000.000	-
- Chi phí không hợp lệ	2.350.000	-
- Chi phí lãi vay không được trừ	1.002.965.451	2.225.694.960
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện năm trước	676.222	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện năm nay	112.268	-
b) Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán	1.208.858.984	676.222
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	676.222
- Điều chỉnh chi phí lãi vay không được trừ của các năm trước (*)	1.208.858.984	-
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)	1.230.367.152	3.134.614.904
4. Lỗ được kết chuyển	1.230.367.152	3.134.614.904
5. Thu nhập tính thuế	-	-
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
6. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

(*) Đây là khoản chi phí lãi vay các năm trước được điều chỉnh theo Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020.

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.418.122.195	909.596.166
- Lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông	1.418.122.195	909.596.166
- Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.192.550	7.192.550
- Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần	197	126
- Lãi suy giảm trên mỗi cổ phần	197	126

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.154.434	4.195.000
- Chi phí nhân công	6.021.322.800	5.707.541.100
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.922.093.921	1.931.353.800
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.748.474.999	1.457.820.222
- Chi phí bằng tiền khác	3.779.195.205	3.200.510.003
Cộng	<u>13.474.241.359</u>	<u>12.301.420.125</u>

11. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

10.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 và ngày 31 tháng 03 năm 2020.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 và ngày 31 tháng 03 năm 2020.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

<i>Độ nhạy đối với lãi suất</i>	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VNĐ)</i>
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021		
VNĐ	+100	(266.057.720)
VNĐ	-100	266.057.720
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020		
VNĐ	+100	(324.510.505)
VNĐ	-100	324.510.505

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

10.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

10.3 Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC

KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Ngày 31 tháng 03 năm 2021	Dưới 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Tổng cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
- Các khoản vay và nợ	28.147.584.600	-	28.147.584.600
- Phải trả người bán	6.978.505.122	-	6.978.505.122
- Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	5.659.704.700	6.465.548.900	12.125.253.600
Cộng	40.785.794.422	6.465.548.900	47.251.343.322
Ngày 31 tháng 03 năm 2020			
- Các khoản vay và nợ	32.838.556.000	-	32.838.556.000
- Phải trả người bán	7.044.617.432	-	7.044.617.432
- Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	5.911.408.043	3.969.256.900	9.880.664.943
Cộng	45.794.581.475	3.969.256.900	49.763.838.375

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và ngày 31 tháng 03 năm 2020.

12. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và chi phí phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, nợ phải trả tài chính dài hạn khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và 31 tháng 03 năm 2020. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN PETEC

KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***MẪU B09 - DN**

	Giá trị ghi số				Giá trị hợp lý	
	31/03/2021		31/03/2020		31/03/2021	31/03/2020
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Phải thu khách hàng	9.335.262.058	(9.851.434.545)	9.275.687.443	(7.416.824.161)	(516.172.487)	1.858.863.282
- Phải thu khác	1.194.607.812	(35.042.589)	1.197.266.912	(35.042.589)	1.159.565.223	1.162.224.323
- Tiền và các khoản tương đương tiền	1.541.812.620	-	387.505.524	-	1.541.812.620	387.505.524
TỔNG CỘNG	12.071.682.490	(9.886.477.134)	10.860.459.879	(7.451.866.750)	2.185.205.356	3.408.593.129
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	28.147.584.600	-	32.838.556.000	-	28.147.584.600	32.838.556.000
- Phải trả người bán	6.978.505.122	-	7.044.617.432	-	6.978.505.122	7.044.617.432
- Chi phí phải trả và phải trả khác	12.125.253.600	-	9.880.664.943	-	2.077.124.086	9.880.664.943
TỔNG CỘNG	47.251.343.322	-	49.763.838.375	-	37.203.213.808	49.763.838.375

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN PETEC

KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

2. GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Số tiền
- Tổng Cty Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu Tư - CTCP	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	240.000.000
		Mua hàng hóa	(2.113.120.000)

Tại ngày ngày 31 tháng 03 năm 2021, số dư các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ		31/03/2021
- Tổng Cty Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu Tư -CTCP	Cổ đông lớn	Phải thu khách hàng	18.017.775
		Phải trả người bán	(4.899.901.584)

- Tiền lương và phụ cấp của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm 2020 là: 1.242.677.225 đồng.

3. TRÌNH BÀY TÀI SẢN, DOANH THU, KẾT QUẢ KINH DOANH THEO BỘ PHẬN

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
	VND	VND	VND
- Bán hàng hoá	52.847.683.498	51.452.825.628	1.394.857.870
- Cung cấp dịch vụ	16.411.610.818	6.728.003.769	9.683.607.049
Cộng	69.259.294.316	58.180.829.397	11.078.464.919

4. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.



Người lập biểu và Kế toán trưởng
MAI HUY HOÀNG



Giám đốc
HUỲNH XUÂN HỒNG